{Mẫu số 52-DS]

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 26/01/2022
V/v:"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Hiển;
2. Ông Trần Quý Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXX-HN ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn T, xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L (H), sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn S, xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày:

Chị M ở thôn T, xã Ân Tường Đông kết hôn với anh Lê Văn L ở thôn S, xã Ân Nghĩa, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Nghĩa năm 2007. Chị M về sống chung với anh L tại gia đình nhà chồng, nhưng hộ khẩu thì vẫn còn ở xã Ân Tường Đông. Năm 2008 sinh con chung Lê Thị Trà M1, sinh ngày 26/5/2008; do quan niệm sinh con gái nên gia đình phía chồng coi thường chị M, anh L thì thường xuyên uống say về đánh đập chị M nhiều lần nên chịu không nổi, chị M đưa con về xã Ân Tường Đông sống với cha mẹ ruột (Võ T, Ngô Thị Y), đi từ năm 2008 cho đến nay; khi đi chị M có thai, khi sinh con thứ 02 đặt tên Lê Thị M2, sinh ngày 15/9/2009 tại Ân Tường Đông. Từ đó gia đình anh L không hề quan tâm, không liên lạc cho đến nay.

Lý do chị M xin ly hôn: Chị M xác định tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh L không còn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh Lê Văn L. Về nuôi con, chị M yêu cầu nuôi 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Về tài sản, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn, anh Lê Văn L: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử, mặt dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ, nhưng anh L không đến Tòa án để tham gia các phiên giải quyết, không có bản khai.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết: Nguyên đơn đưa ra các tài liệu, chứng cứ đảm bảo nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con của nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt nên đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại Điều 238 của BLTTDS để xét xử vắng mặt các đương sự. Về tài sản, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị M ở thôn T, xã Ân Tường Đông kết hôn với anh Lê Văn L ở thôn S, xã Ân Nghĩa, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Nghĩa năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Chị M về sống chung với anh L tại gia đình nhà chồng, nhưng hộ khẩu thì vẫn còn ở xã Ân Tường Đông. Năm 2008 sinh con chung Lê Thị Trà M1, sinh ngày

26/5/2008; do anh L thường xuyên uống say về đánh đập chị M nhiều lần nên chịu không nổi, chị M đưa con về xã Ân Tường Đông sống với cha mẹ ruột (Võ T, Ngô Thị Y), đi từ năm 2008 cho đến nay; khi đi chị M có thai, khi sinh con thứ 02 đặt tên Lê Thị M2, sinh ngày 15/9/2009 tại Ân Tường Đông. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh L không còn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh Lê Văn L. Về nuôi con, chị M yêu cầu nuôi 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Về tài sản, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 82, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn anh Lê Văn L không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, cả chị M, anh L đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị M.

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung từ năm 2008 cho đến nay. Do đó có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị M xin ly hôn anh Lê Văn L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị M yêu cầu nuôi 02 con chung Lê Thị Trà M1, Lê Thị M2; chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng; chị M đồng ý anh L được quyền thăm nom, săn sóc con chung là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên Hội dồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết.

[3]. Đối với bị đơn Lê Văn L: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử, mặt dù Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ, nhưng anh L không đến Tòa án để tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Văn L theo quy định.

[4]. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng là đảm bảo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn anh L.

- Về nuôi con: Giao 02 con chung Lê Thị Trà M1, sinh ngày 26/5/2008; Lê Thị M2, sinh ngày 15/9/2009 cho chị M nuôi dưỡng; chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị M đồng ý anh L được quyền thăm nom, săn sóc con chung. Về tài sản: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị M nộp án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào các Điều 51, 56, 82, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mai được ly hôn anh Lê Văn Liên.

- Về nuôi con: Giao 02 con chung Lê Thị Trà M1, sinh ngày 26/5/2008; Lê Thị M2, sinh ngày 15/9/2009 cho chị M nuôi dưỡng; chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng. Chị M đồng ý anh L được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản: Các bên không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn:

- Chị Võ Thị M nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010385 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Luu HSVA.

TM. HỘI DỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vân